

Bản án số: 08/2025/DSST
Ngày: 31/12/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, hợp đồng mượn tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thùy Phương và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2025/TLST - DS ngày 20/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mượn tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08A/2024/QĐXXST - DS ngày 18/11/2025 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L1, do chị Nguyễn Thanh L - chuyên viên pháp lý đại diện.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

Các bên đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai tại hồ sơ vụ án và phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S do chị Nguyễn Thanh L đại diện trình bày:**

Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị M có mối quan hệ họ hàng, chị M là con nhà cô ruột anh S. Năm 2021, chị M có nói với anh S rằng mình làm ở bộ phận tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) – chi nhánh B đã nhiều năm, chị có nhu cầu vay tiền để thực hiện đáo hạn cho khách hàng nên hỏi vay mượn tiền của

anh S và anh S đồng ý, sau đó chị M có một lần vay tiền, một lần mượn tiền của anh S và hai bên chốt lại các khoản tiền bằng giấy vay tiền và giấy mượn tiền, nội dung cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/10/2022 vay số tiền là 1.375.000.000 đồng, thời hạn vay từ 12/10/2022 đến 12/04/2023.

Lần 2: Ngày 11/01/2023 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn mượn từ ngày 11/01/2023 đến 28/02/2023.

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị M đã vay và mượn của anh Nguyễn Văn S theo các lần nêu trên là 1.475.000.000 đồng. Các lần vay và mượn tiền, chị M đều ký, điểm chỉ xác nhận vào giấy vay tiền, giấy mượn tiền.

Kể từ ngày 12/10/2022 (ngày vay khoản tiền 1.375.000.000 đồng) đến nay, chị M chưa trả anh S bất kỳ số tiền gốc, tiền lãi nào. Anh S đã liên hệ, đến nhà gặp trực tiếp chị M để yêu cầu trả các khoản tiền gốc và tiền lãi nhưng chị M hứa hẹn, khất nợ không trả tiền cho anh S.

Anh S cho rằng việc chị Nguyễn Thị M vay và mượn tiền của mình nhưng lại cố tình chây ỳ không chịu trả các khoản tiền gốc, tiền lãi là việc làm trái với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh S.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của mình, anh S yêu cầu giải quyết như sau:

Buộc chị Nguyễn Thị M phải trả cho anh Nguyễn Văn S toàn bộ số tiền gốc của các lần vay, mượn tiền nêu trên cùng với tiền lãi của khoản vay ngày 12/10/2022, cụ thể như sau:

1. Khoản tiền 1.375.000.000 đồng, thời hạn vay theo giấy vay tiền là từ 12/10/2022 đến 12/04/2023, lãi suất 10%/năm và tiền lãi:

- Lãi trong hạn tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/04/2023:

$$1.375.000.000 \times 10\% \times (182/365) = 68.561.644 \text{ đồng}$$

- Lãi chậm trả tính từ ngày 13/4/2023 đến ngày 31/12/2025:

$$1.375.000.000 \times 10\% \times (993/365) = 374.075.342 \text{ đồng}$$

- Lãi trên nợ lãi tính từ ngày 13/4/2023 đến ngày 31/12/2025:

$$68.561.644 \times 10\% \times (993/365) = 18.652.524 \text{ đồng}$$

2. Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), thời hạn mượn theo giấy mượn tiền từ ngày 11/01/2023 đến 28/02/2023. Phía nguyên đơn xin rút phần yêu cầu lãi suất đối với khoản tiền này, chỉ yêu cầu chị M trả anh S 100.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị Nguyễn Thị M phải trả anh Nguyễn Văn S là 1.936.289.510 đồng, gồm: tiền gốc là 1.475.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 1.375.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2025 là 461.289.510 đồng.

* **Bị đơn là chị Nguyễn Thị M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng; được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

* **Đại diện VKSND khu vực 8 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:**

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng:* Các điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 494, 496, 499 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn S về việc tính lãi suất đối với số tiền mượn 100.000.000 đồng.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S. Buộc chị Nguyễn Thị M phải trả anh Nguyễn Văn S số tiền vay nợ gốc là 1.375.000.000 đồng và nợ lãi vay là 461.289.510 đồng; số tiền mượn là 100.000.000 Đồng. Tổng cộng là 1.936.289.510 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Minh T tại: Tổ dân phố M, phường P, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền do vay và mượn tổng cộng là 1.475.000.000 Đồng và lãi suất vay. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mượn tài sản” và Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh L vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin thay đổi quan hệ pháp luật đối với khoản tiền 100.000.000 đồng từ "vay" sang "mượn", đồng thời tự nguyện rút yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này. Xét thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 BLTTDS, nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 100.000.000 đồng nêu trên.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh S về việc buộc bị đơn chị M thanh toán số nợ gốc tổng cộng hai khoản vay và mượn là 1.475.000.000 đồng và lãi suất khoản tiền vay 1.375.000.000 Đồng, HĐXX thấy:*

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy vay tiền với nội dung chị M vay của anh S số tiền 1.375.000.000 đồng, thời hạn vay từ 12/10/2022 đến 12/4/2023 và Giấy chứng nhận mượn tiền đề ngày 11/01/2023 với nội dung chị Minh M1 của anh S số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và đến phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng trong vụ án nhưng bị đơn là chị M không có ý kiến gửi đến Tòa án phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định chị M có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc vay, mượn của anh S tổng cộng là 1.475.000.000 Đồng.

Về lãi suất đối với khoản vay 1.375.000.000 Đồng: Mặc dù tại Giấy vay tiền nêu trên không có nội dung về lãi suất, tuy nhiên phía nguyên đơn xác định hai bên có thỏa thuận ngoài với mức lãi suất là 10%/năm, việc này đã được Tòa án thông báo nhiều lần cho phía bị đơn là chị S, tuy nhiên chị S không có ý kiến gì phản đối việc này. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chị S phải chịu lại suất trên nợ gốc trong hạn chưa trả; lãi suất trên nợ lãi và lãi trên nợ gốc quá hạn, cụ thể là:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/04/2023:
 $1.375.000.000 \times 10\% \times (182/365) = 68.561.644$ đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định là 150% mức lãi suất trong hạn, tuy nhiên phía nguyên đơn chỉ đề nghị tính mức lãi suất là 10%/ năm nên HĐXX chấp nhận mức lãi suất này và tính từ ngày 13/4/2023 đến ngày 31/12/2025: $1.375.000.000 \times 10\% \times (993/365) = 374.075.342$ đồng.

- Lãi trên nợ lãi tính từ ngày 13/4/2023 đến ngày 31/12/2025: $68.561.644 \times 10\% \times (993/365) = 18.652.524$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị Nguyễn Thị M phải trả anh Nguyễn Văn S là 1.936.289.510 đồng gồm: tiền gốc (vay và mượn) là 1.475.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 1.375.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2025 là 461.289.510 đồng.

[3] Về án phí:

Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 36.000.000 đ + 3%×(1.936.289.510 – 800.000.000) = 70.088.000 đồng (đã làm tròn số).

Yêu cầu khởi kiện của anh S được chấp nhận nên trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho anh S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92; 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466, 468, 494, 496, 499 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn S về việc tính lãi suất đối với số tiền mượn 100.000.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S

Buộc chị Nguyễn Thị M phải trả anh Nguyễn Văn S số tiền vay nợ gốc là 1.375.000.000 đồng và nợ lãi vay là 461.289.510 đồng; số tiền mượn là 100.000.000 Đồng. Tổng cộng là 1.936.289.510 (Một tỷ, chín trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm mười) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 70.088.000 (Bảy mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn S số tiền đã tạm ứng án phí là 25.985.000 (Hai mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0001964 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV 8 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Công